

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;
2. Bà Đặng Thị Lan Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, vắng mặt.

Cư trú tại: Khu phố 5, thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh O (Lê Văn C), sinh năm 1976, vắng mặt,

Địa chỉ: P, M, Vương quốc CamPuChia.

Tạm trú tại: Khu phố 5, thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 7 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh O chung sống vợ chồng vào năm 2008, không đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống không hợp nhau về tính tình, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh O.

- Về con chung: Chị và anh O chung sống có 01 con chung là: Nguyễn Văn C, sinh 26/10/2009. Hiện nay cháu C đang sống cùng với chị, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con. Trong giấy khai sinh của cháu C không ghi tên cha là vì khi chị sinh cháu C anh O về Campuchia làm ăn, hơn nữa chị và anh O không đăng ký kết hôn nên giấy khai sinh của cháu C không ghi tên cha được.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết;

Tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 8 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án bị đơn anh O trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về việc chung sống vợ chồng không đăng ký kết hôn. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn;

- Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Hoa về con chung, nay ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh O không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh O vắng mặt;

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh O (Lê Văn C) là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 26/10/2009 cho chị H nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết;

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh O có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh O.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh O chung sống như vợ chồng từ năm 2008 đến nay có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn nên việc chung sống giữa chị H và anh O không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh O.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh O có một con chung là cháu: Nguyễn Văn C, sinh 26/10/2009. Xét thấy hiện nay cháu C đang sống với chị H. Chị H yêu cầu nuôi dưỡng cháu C, anh O đồng ý. Xét việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con giữa chị H và anh O là hoàn toàn tự nguyện; mặt khác cháu C có nguyện vọng muốn sống cùng với chị H. Do đó giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn C là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã được giải thích theo quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng chị H không yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh O không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh O.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn C, sinh 26/10/2009. Ghi nhận chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh O không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003992 ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Nguyễn Thị H và anh O vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- PKTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.(N^o).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Na